

Số: 94/2025/QĐST- HNGĐ

Thanh Hóa, ngày 26 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC I - THANH HÓA

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 35; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/11UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 115/2025/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Lê Xuân S - sinh ngày 18/12/1984

Số CCCD: 038084014043.

Địa chỉ: thôn H, xã G, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Nguyễn Thị Bích N - sinh ngày 07/10/1986

Số CCCD: 038186047456.

ĐKKHKT: phường H, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: phường H, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19 tháng 11 năm 2025, các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc hôn nhân gia đình, nội dung cụ thể như sau:

[1] Về hôn nhân: Anh Lê Xuân S và chị Nguyễn Thị Bích N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoằng Quý, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Hoằng Giang, tỉnh Thanh Hóa) vào ngày 03/3/2008 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau.

Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Anh S và chị N thống nhất thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái pháp luật. Căn cứ Điều 55

Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Xuân S và chị Nguyễn Thị Bích N.

[2] Về con chung: Anh Lê Xuân S và chị Nguyễn Thị Bích N thống nhất: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Nguyễn Thành N1 - sinh ngày 04/8/2009.

Ly hôn anh S và chị N thỏa thuận, thống nhất: Giao cháu Lê Nguyễn Thành N1 cho chị Nguyễn Thị Bích N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh S cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Tòa án ra quyết định cho đến khi cháu Nhân đủ 18 tuổi.

Anh Sinh có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trường hợp có căn cứ để thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Việc thỏa thuận nuôi con của anh, chị là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình nên công nhận.

[3] Về tài sản và công nợ: Anh Lê Xuân S và chị Nguyễn Thị Bích N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Xuân S và chị Nguyễn Thị Bích N thỏa thuận: Anh S chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Xuân S và chị Nguyễn Thị Bích N.

- Về con chung: Công nhận cháu Lê Nguyễn Thành N1 - sinh ngày 04/8/2009 là con chung của anh Lê Xuân S và chị Nguyễn Thị Bích N.

Giao cháu Lê Nguyễn Thành N1 cho chị Nguyễn Thị Bích N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh S cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Tòa án ra quyết định cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi.

Anh S có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trường hợp có căn cứ để thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Xuân S và chị Nguyễn Thị Bích N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Xuân S và chị Nguyễn Thị Bích N thỏa thuận: Anh S chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ anh S đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí ký hiệu BLTU/25E số 0003603 ngày 28/11/2025 của Thị hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Anh Lê Xuân S đã nộp đủ lệ phí theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND khu vực 1 - Thanh Hóa;
- Phòng THADS khu vực 1 - Thanh Hóa;
- UBND xã Hoằng Giang, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đào Thị Thu Thủy